

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2026/DS-PT

Ngày: 05-02-2026

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Âu Lâm Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1143/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1992; (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:**

2.1 Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1974; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1966; (có mặt).

Địa chỉ: A, Khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1970; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1971; (có mặt).

Địa chỉ: 1 Đ, Khu phố I, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L; Bị đơn - bà Nguyễn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L, có người đại diện theo uỷ quyền là anh Nguyễn Văn L1 trình bày:

Năm 2024 vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Huỳnh Văn S có vay tiền của chị Nguyễn Thị L nhiều lần với tổng số tiền là 3.768.000.000 đồng (Ba tỷ, bảy trăm, sáu mươi tám triệu đồng) để kinh doanh mua bán phế liệu và chi tiêu trong gia đình, cụ thể từng lần như sau:

- Ngày 05/01/2024 vay 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 27/01/2024 vay 1.268.000.000 đồng;
- Ngày 05/8/2024 vay 1.500.000.000 đồng.

Khi vay, bà Y có làm biên nhận và hứa khi nào chị L cần lấy lại tiền thì báo trước một tuần thì bà Y và ông S sẽ trả lại đầy đủ. Lãi suất thoả thuận là 10%/tháng. Tuy nhiên, từ khi vay tiền của chị L cho đến nay, bà Y và ông S không trả vốn và lãi cho chị L, khi chị L cần lấy lại tiền thì bà Y và ông S né tránh và hứa hẹn hết lần này đến lần khác.

Nay chị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Văn S liên đới trách nhiệm trả cho chị L số tiền 3.768.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị L không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Bị đơn Nguyễn Thị Y có người đại diện theo uỷ quyền là bà Võ Thị Ngọc H trình bày:

Do nhà gần nhau nên tháng 4/2017 bà Y có làm biên nhận vay của chị L 70.000.000 đồng, sau đó vay tiếp 50.000.000 đồng, 02 tháng sau vay 50.000.000 đồng, sau 03 tháng vay 80.000.000 đồng, vài tháng sau vay tiếp 70.000.000 đồng, tổng cộng 320.000.000 đồng, các lần vay đều làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10% một tháng, bà Y đóng lãi đầy đủ, sau đó chị L yêu cầu viết biên nhận nợ tổng số tiền 320.000.000 đồng, lãi suất 10% một tháng, bà Y đóng lãi được 7, 8 tháng thì ngưng do khó khăn kinh tế. Đầu năm 2024 chị L yêu cầu bà Y đến nhà thông báo số nợ lên khoảng 02 tỷ rồi ép buộc bà Y viết 02 biên nhận gồm biên nhận ngày 05/01/2024 số tiền 1.000.000.000 đồng, biên nhận ngày 27/01/2024 số tiền 1.268.000.000 đồng trong một ngày, đến ngày 05/8/2024 chị L tiếp tục kêu bà Y xuống nhà thông báo lãi suất của 02 biên nhận trên là

1.587.600.000 đồng, ép buộc bà Y viết tiếp biên nhận nợ số tiền 1.500.000.000 đồng bỏ số lẻ. Bà Y là người trực tiếp vay tiền và viết biên nhận, ông S không hay biết việc này vì bà Y và ông S đã ly thân khoảng 04 năm và đã chính thức ly hôn theo quyết định số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Nay bà Nguyễn Thị Y không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Bà Y đồng ý trả cho chị L số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ ngày phát sinh tranh chấp đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Huỳnh Văn S trình bày:

Ông xác định không biết gì về việc bà Y vay tiền của chị L, ông không vay số tiền này của chị L, bởi khoảng 05 năm nay ông và bà Y đã ly thân không còn sống chung và đã ly hôn theo Quyết định số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Theo chứng cứ bà L cung cấp, chưa tròn 01 tháng bà Y lập 02 biên nhận ngày 05/01/2024 vay 01 tỷ đồng, ngày 27/01/2024 vay 1,268 tỷ đồng, đến ngày 05/8/2024 làm biên nhận vay thêm 1,5 tỷ đồng, số tiền này quá lớn trong khi bản thân bà Y không có nghề nghiệp ổn định, lấy gì đảm bảo chị L cho bà Y vay tiền, đây có phải chị L ép buộc bà Y viết biên nhận nợ không, vì vậy ông không đồng ý liên đới trách nhiệm theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án Khu vực 4 - Đồng Tháp) căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Y trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 3.768.000.000 đồng (Ba tỷ, bảy trăm, sáu mươi tám triệu đồng).

Không chấp nhận đối với yêu cầu ông Huỳnh Văn S liên đới trả nợ cho chị Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 24 tháng 4 năm 2025, chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 3.768.000.000 đồng.

* Ngày 25 tháng 4 năm 2025, bà Nguyễn Thị Y có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Y trả số tiền 3.768.000.000 đồng. Bà Y đồng ý trả cho chị L số tiền vay 320.000.000 đồng và tiền lãi 31.782.000 đồng, tổng cộng 351.782.000 đồng.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Nguyễn Văn L1 (đại diện uỷ quyền của chị Nguyễn Thị L) và bà Võ Thị Ngọc H (đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Y) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Nguyễn Văn T1 (đại diện uỷ quyền của ông Huỳnh Văn S) không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị L; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Y, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Y và Huỳnh Văn S phải liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 3.768.000.000 đồng (Ba tỷ, bảy trăm, sáu mươi tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Y còn trong thời hạn quy định nên được hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

2.1. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Văn S phải liên đới trách nhiệm trả cho chị L số tiền 3.768.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị L có giao nộp chứng cứ gồm: Biên nhận ngày 05/01/2024 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 27/01/2024 với số tiền 1.268.000.000 đồng; Biên nhận ngày 05/8/2024 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng. Theo chị L trình bày các biên nhận này do bà Y viết và ký tên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Y và đại diện uỷ quyền của bà Y là bà Võ Thị Ngọc H thừa nhận chữ viết và chữ ký tại các biên nhận nêu trên là do bà Y viết và ký tên. Bà Y cho rằng do chị L ép buộc bà Y viết và các biên nhận đề ngày 05/01/2024, ngày 27/01/2024 là do bà Y viết trong cùng một ngày (ngày 05/01/2024) nhưng thực tế bà Y không nhận số tiền 3.768.000.000 đồng từ chị L mà chỉ vay của chị L nhiều lần với tổng số tiền vay là 320.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 10%/tháng, sau khi vay đã trả được một khoản tiền lãi nhưng không giữ lại biên nhận. Do đó, bà Y chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền vốn 320.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử vụ án.

Xét yêu cầu của bà Y là không có cơ sở vì ngoài lời trình bày thì bà Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền bà Y vay của chị

L chỉ có 320.000.000 đồng. Bà Y cho rằng bị chị L ép buộc viết biên nhận nợ và các biên nhận ngày 05/01/2024 và ngày 27/01/2024 thực tế được bà Y viết vào cùng một ngày là ngày 05/01/2024 nhưng từ tháng 01/2024 đến trước ngày chị L nộp đơn khởi kiện là ngày 24/10/2024 thì bà Y cũng không có đơn tố cáo hành vi trái pháp luật của chị L nếu có. Mặt khác, căn cứ vào Bản giám định số 82/2025/TTTVGĐDS ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Tư vấn, giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội khoa học V đã kết luận như sau:

“1. Chữ viết trong “Biên nhận” đề ngày 05/01/2024 (A1) được viết vào khoảng tháng 01 năm 2024 (sai số + - 1 tháng).

2. Chữ viết trong “Biên nhận” đề ngày 27/01/2024 (A2) được viết vào cùng thời điểm với (A1) vào khoảng tháng 01 năm 2024 (sai số + - 1 tháng)”.

Như vậy, không có căn cứ để cho rằng biên nhận đề ngày 05/01/2024 và biên nhận đề ngày 27/01/2024 được bà Y viết trong cùng một ngày (ngày 05/01/2024) và cũng không có căn cứ để cho rằng bà Y viết các biên nhận này là do chị L ép buộc.

Từ các căn cứ như đã nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu bà Y phải trả cho chị L số tiền vốn vay 3.768.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Y kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào khác. Do vậy hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y.

2.2. Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền đã vay là 3.768.000.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị L là phù hợp pháp luật, bởi lẽ căn cứ vào các biên nhận nợ do chị L giao nộp thể hiện bà Y vay tiền của chị L vào các ngày 05/01/2024, 27/01/2024 và 05/8/2024 nhưng đến tháng 11 năm 2024 bà Y với ông S mới thuận tình ly hôn theo Quyết định số 103/2024/QĐST-HNGĐ của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Xét thấy, tại thời điểm bà Y vay tiền của chị L thì bà Y và ông S1 vẫn là vợ chồng và đang chung sống một nhà. Theo chị L trình bày bà Y vay tiền của chị L để kinh doanh mua bán phế liệu và chi tiêu trong gia đình là có cơ sở. Người đại diện theo uỷ quyền của ông S cho rằng thời gian này ông S và bà Y đã sống ly thân là mâu thuẫn với lời khai của bà Y tại phiên toà hôm nay, vì bà Y thừa nhận bà và ông S vẫn sống chung nhà với nhau cho đến khi có quyết định ly hôn chính thức. Ông S cho rằng ông không biết việc bà Y vay tiền nên không ký tên vào biên nhận nợ và không sử dụng số tiền bà Y đã vay là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm không buộc ông S và bà Y có trách nhiệm liên đới trong việc trả tiền là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị L. Chị L kháng cáo yêu cầu hội đồng xét xử buộc ông S và bà Y phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền 3.768.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Do chị L không yêu cầu ông S và bà Y trả tiền lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

Từ nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông S và bà Y có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền vay 3.768.000.000 đồng và sửa phần án phí sơ thẩm, cụ thể:

Buộc bà Y và ông S phải liên đới trách nhiệm chịu án phí có giá ngạch là 107.360.000 đồng.

Hoàn tạm ứng án phí sơ thẩm cho chị L, số tiền 53.680.000 đồng.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà Y không được chấp nhận nên bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp.

Yêu cầu kháng cáo của chị L được hội đồng xét xử chấp nhận, nên chị L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp).

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 288 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Văn S phải liên đới trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền vay 3.768.000.000 đồng (Ba tỷ, bảy trăm, sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Y và ông Sáu C thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Văn S phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 107.360.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Chị Nguyễn Thị L được hoàn tạm ứng án phí sơ thẩm là 53.680.000 đồng (Năm mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0002668 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2/- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003291 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - tỉnh Đồng Tháp).

Chị Nguyễn Thị L được hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003299 ngày 28/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - tỉnh Đồng Tháp).

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ GD-KT 1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 4 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy